

Bản án số: **08/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/3/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng

2. Bà Đinh Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/TB - XX ngày 02 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Hoa H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, thành phố Y, tỉnh Y; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, thành phố Y, tỉnh Y; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Hoa H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn ngày 30/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Y trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, đánh, chửi nhau... Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019, không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

* Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 19/11/2018. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ban đầu chị H đề nghị Tòa

án giải quyết cho được nuôi cháu Q và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000đồng/01 tháng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H thay đổi ý kiến về việc nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết để anh Nguyễn Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000đồng/01tháng. Lý do, thu nhập của chị thấp, mỗi tháng chỉ được 4.000.000đồng, hiện chị đang phải nuôi 01 con nhỏ, là con riêng của chị với chồng trước, chị chưa có nhà riêng, phải đi thuê nhà ở. Mặt khác, cháu Q đang được anh C và bà nội nuôi dưỡng từ tháng 10/2019, anh C có nhà riêng, thu nhập hàng tháng cao hơn chị.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân C vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C, nhưng anh C từ chối nhận, không nộp bản tự khai và không đến Tòa án giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, tại mục ý kiến của đương sự trong Biên bản giao do Tòa án lập, anh C viết: “Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo ý kiến của chị H, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con, vì chị H bỏ con từ khi 10 tháng tuổi, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Hoa H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con với anh Nguyễn Xuân C, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Nguyễn Xuân C có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã M, thành phố Y, tỉnh Y. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân C vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Dương Hoa H và anh Nguyễn Xuân C được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Y là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh, chửi nhau.... mâu thuẫn đã được vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 09/2019, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C đến để hòa giải, nhưng anh C không đến, thể hiện anh C không có thiện

chí hoà giải. Từ đó, có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 19/11/2018, hiện đang ở cùng anh C. Xét thấy, nguyện vọng của chị H đề nghị Tòa án giải quyết để anh C trực tiếp nuôi con, anh C cũng có ý kiến muốn được nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến Tòa hòa giải về việc nuôi con, cũng không nộp bản tự khai, văn bản xác nhận mức thu nhập để Tòa án có căn cứ giải quyết việc giao con, do đó không có căn cứ để giao cháu Q cho anh C nuôi dưỡng. Mặt khác, tại khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ 2014 có quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Căn cứ tài liệu do chị H cung cấp, mức thu nhập bình Q của chị H là 4.000.000đồng/1 tháng. Do đó, HĐXX thấy cần thiết giao cháu Nguyễn Thành Q cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Để đảm bảo lợi ích cho cháu bé, HĐXX buộc anh Nguyễn Xuân C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000đồng/1 tháng, cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Dương Hoa H phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn Xuân C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83; 110; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Dương Hoa H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 19/11/2018, cho chị Dương Hoa H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Xuân C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh C chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án

3. Về án phí: Chị Dương Hoa H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005199 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng về việc nuôi con.

Chị Dương Hoa H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND x.B, h. Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

